

Số: 178/2023/QĐST-DS

Thành phố H, ngày 13 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 281/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (Viết tắt: V).

Địa chỉ: Phường N, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh H, chức vụ: Giám đốc THN trực tiếp và XLN vùng Đông Hồ Chí Minh và Trung Bộ-Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ 1 - Khối Ngân hàng Bán lẻ V (Giấy ủy quyền số 050876.23 ngày 10/5/2023).

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Lê Huy T, chức vụ: Cán bộ V.

Địa chỉ liên hệ: Số 208-210-212 Nguyễn Văn Linh, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số 081920.23 ngày 22/6/2023).

- *Bị đơn*:

+ Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1978.

Hộ khẩu thường trú: Số 03 T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: C43 Khu quy hoạch V, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Bà Lê Thị Hồng L, sinh năm 1994.

Hộ khẩu thường trú: Số 2 P, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: C43 Khu quy hoạch V, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Minh Q: Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 20 X, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Giấy ủy

quyền ngày 22/3/2023).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Theo các Hợp đồng tín dụng số 7537350.19 ngày 06/08/2019, Hợp đồng tín dụng số 2549085.20 ngày 28/8/2020, Hợp đồng tín dụng số 2196749.20 ngày 03/12/2020, Hợp đồng tín dụng số 5834827.21 ngày 20/9/2021, ông Nguyễn Minh Q và bà Lê Thị Hồng L có nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tính đến ngày 05/7/2023 là 2.286.864.731 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 1.858.006.000 đồng, nợ lãi: 81.455.661 đồng, nợ lãi quá hạn: 347.403.070 đồng.

Theo đề nghị phát hành Thẻ tín dụng Quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 23/10/2019, ông Nguyễn Minh Q và bà Lê Thị Hồng L có nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tính đến ngày 05/7/2023 là 81.342.526 đồng.

Tổng cộng tính đến ngày 05/07/2023, ông Nguyễn Minh Q và bà Lê Thị Hồng L còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo các hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng Quốc tế nói trên là: 2.368.207.257 đồng (Hai tỷ ba trăm sáu mươi tám triệu hai trăm linh bảy nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng).

2.2. Về phương thức và số tiền phải thanh toán được chia thành 03 đợt:

- Ngày 04/8/2023, ông Nguyễn Minh Q và bà Lê Thị Hồng L trả cho V số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Ngày 05/9/2023, ông Nguyễn Minh Q và bà Lê Thị Hồng L trả cho V số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Ngày 05/10/2023, ông Nguyễn Minh Q và bà Lê Thị Hồng L trả cho V số tiền nợ còn lại theo các hợp đồng tín dụng là 1.886.864.731 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi một đồng) và số tiền nợ theo đề nghị phát hành Thẻ tín dụng Quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 23/10/2019 là 81.342.526 đồng (Tám mươi một triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 06/7/2023, ông Nguyễn Minh Q và bà Lê Thị Hồng L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc, theo mức lãi suất tại các Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng Quốc tế đã ký kết trên.

Trong trường hợp ông Nguyễn Minh Q và bà Lê Thị Hồng L vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào trên đây, V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 592, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ: Khu tái định cư V, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 361497 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 27/5/2019, cập nhật đứng tên ông Nguyễn Minh Q ngày 18/7/2019. Tài sản này được thế chấp tại V theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2257139.19 ngày 14/8/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 2257139 (1).19 ngày 28/8/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 2257139.19 ngày 14/8/2019, 2257139 (1).19 ngày 28/8/2020 số 2257139(2).19 ngày 03/12/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 1180358.19 ngày 06/8/2019. Tài sản gắn liền với đất là nhà ở. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm đã được

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận đăng ký ngày 14/8/2019.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: C.44, tờ bản đồ số: KQH, địa chỉ: Khu định cư V, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 186193 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 07/11/2017, cập nhật đứng tên ông Nguyễn Minh Q ngày 03/01/2018. Tài sản này được thế chấp tại V theo Hợp đồng thế chấp số 2865624.19 ngày 14/8/2019; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 1180358.19 ngày 06/8/2019. Tài sản gắn liền với đất là nhà ở. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận đăng ký ngày 14/8/2019.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo trên không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Nguyễn Minh Q và bà Lê Thị Hồng L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Các đương sự thỏa thuận bị đơn chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bị đơn đã nộp đủ.

2.4. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 39.682.000 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 35.280.000 đồng (Ba mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004738 ngày 07/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Văn Hạnh